UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: ĐỊA LÝ HỌC

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM (ECONOMIC AND SOCIAL GEOGRAPHY OF VIETNAM) **Mã số:** DIKTXH.066

2. Số tín chỉ: 03 (45LT)

3. Đối tượng: Sinh viên Đại học Địa lý học (Địa lý du lịch), hệ chính quy.

4. Phân bổ thời gian

Tên đơn vị tín chỉ	Phân bổ số tiết				Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập	
1	14	1			15
2	13	2			15
3	13	2			15

5. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên đã hoàn thành học phần Địa lý kinh tế - xã hội thế giới.

6. Mục tiêu học phần

- Kiến thức:

+ Hiểu các đặc điểm cơ bản, vai trò và thực trạng của các nguồn lực phát triển kinh tế; địa lý dân cư; tình hình phát triển của các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; một số vấn đề về tổ chức lãnh thổ nền kinh tế, các vùng kinh tế. Từ đó phân tích được một số định hướng phát triển, giải thích được các vấn đề thực tiễn theo định hướng phát triển bền vững.

- Kỹ năng:

+ Phát triển những kỹ năng cơ bản về thu thập và xử lý số liệu, vận dụng các kiến thức được học vào phân tích, giải thích một số vấn đề địa lý trong thực tiễn.

+ Phát triển có được kỹ năng thuyết trình và một số kỹ năng trong sử dụng, phân tích bản đồ, biểu đồ.

- Thái độ và mục tiêu khác:

Phát triển thái độ đúng đắn, tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và nhân văn ở quê hương và thái độ cao hơn gắn với nghề nghiệp; có tinh thần cầu thị trong việc lĩnh hội kiến thức cơ sở khoa học chuyên ngành.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra:

Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ các kiến thức về địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam và vận dụng các kiến thức này làm nền tảng cho việc tiếp cận vào các kiến thức chuyên ngành địa lý du lịch.

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các đặc điểm cơ bản, vai trò và thực trạng của các nguồn lực phát triển kinh tế; địa lý dân cư; tình hình phát triển của các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; một số vấn đề về tổ chức lãnh thổ nền kinh tế, các vùng kinh tế.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Để hoàn thành học phần Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam, sinh viên cần thực hiện các nhiệm vụ:

- Lên lớp nghe giảng, làm bài tập và báo cáo kết quả.
- Thái độ học tập nghiêm túc, chủ động trong việc thu thập tài liệu tham khảo. Đọc, phân tích và nhận xét các tài liệu khi học từng chương, mục.
- Nộp các bài kiểm tra đúng hạn và thỏa mãn các nội dung do giảng viên yêu cầu.
- Để tiếp thu kiến thức của một tín chỉ sinh viên phải dành thời gian ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Nội dung tự học và thời lượng:

STT	Nội dung tự học	Thời lượng (120 giờ)
1	Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên Việt Nam	10 giờ
2	Địa lý dân cư	10 giờ
3	Địa lý ngành nông nghiệp	13 giờ
4	Địa lý ngành công nghiệp	14 giờ
5	Địa lý ngành dịch vụ	13 giờ
6	Các vùng kinh tế	60 giờ

9. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1]. Đỗ Thị Minh Đức (2007), *Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[2]. Lê Thông (2013). *Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam,* NXB Sư phạm, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. Phạm Xuân Hậu, Trần Văn Thắng, Nguyễn Kim Hồng (1996), *Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam,* Đại học Huế, Huế.

[4]. Trần Văn Thắng (1994), *Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam,* NXB Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.

[5]. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (đồng chủ biên) (2013), *Địa lí dịch vụ tập 2 (Địa lí thương mại và dịch vụ),* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Minh Tuệ, Trần Văn Thắng, Nguyễn Đức Vũ (1994), *Địa lý du lịch,* Đại học Huế, Huế.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Mô tả tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên được thực hiện theo Điều 22 và Điều 23 Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quy chế 43 và Thông tư 57.

Điểm học phần được xác định dựa trên kết quả học tập toàn diện của SV trong suốt học kỳ đối với học phần đó thông qua các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: Tinh thần thái độ trong lên lớp, thảo luận và kết quả của bài thu hoạch, kiểm tra thường xuyên, thi học phần).

- Quy định các hình thức kiểm tra, thi:

TT	Nội dung và tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
	Chuyên cần thái độ		
1	- Đến lớp nghe giảng - Tích cực xây dựng bài trên lớp - Chuẩn bị bài ở nhà tốt	Quan sát, điểm danh	Theo cá nhân
	Kiểm tra thường xuyên		
2	Bài tập: - Mối quan hệ giữa dân cư – lao động – việc làm. - Một số đặc điểm của nền nông nghiệp Việt Nam. - Giải thích lý do công nghiệp năng lượng và công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là các ngành công nghiệp trọng điểm – Vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển ở duyên hải Nam Trung Bộ – Vẽ biểu đồ thể hiện tình hình sản xuất lúa của Đồng bằng sông Cửu Long. Nhận xét và giải thích qua biểu đồ	Thuyết trình, báo cáo kết quả hoặc tự luận	Theo nhóm hoặc theo cá nhân
	Các bài thi		
3	Thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận thay thế	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm hoặc tiểu luận	Theo cá nhân

11. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Điều 22, Điều 23 Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quy chế 43 và Thông tư 57.

Điểm học phần là điểm trung bình chung của các điểm đánh giá thành phần và điểm thi học phần, theo trọng số tương ứng ở bảng sau:

Nội dung	Chuyên cần, thái độ	Kiểm tra thường xuyên	Thi kết thúc học phần
Trọng số	5%	30%	65%

12. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VIỆT NAM (3LT)

1.1. Vị trí địa lý và lãnh thổ

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ

1.3. Đặc điểm chung của tự nhiên

CHƯƠNG 2. ĐỊA LÝ DÂN CƯ (4LT, 1BT)

2.1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư

2.2. Lao động và việc làm

2.3. Đô thị hóa

2.4. Chất lượng cuộc sống

Bài tập: Mối quan hệ giữa dân cư – lao động – việc làm

CHƯƠNG 3. ĐỊA LÝ NGÀNH NÔNG NGHIỆP (4LT, 1BT)

3.1. Vốn đất và sử dụng vốn đất

3.2. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới

3.3. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp

3.4. Vấn đề phát triển thủy sản và lâm nghiệp

3.5. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

Bài tập: Một số đặc điểm của nền nông nghiệp Việt Nam

CHƯƠNG 4. ĐỊA LÝ NGÀNH CÔNG NGHIỆP (4LT, 1BT)

4.1. Cơ cấu ngành công nghiệp

4.2. Công nghiệp năng lượng

4.3. Công nghiệp luyện kim và chế biến kim loại

4.4. Công nghiệp cơ khí

4.5. Công nghiệp hóa chất

4.6. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

4.7. Công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy sản

4.8. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

4.9. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp

Bài tập: Giải thích lý do công nghiệp năng lượng và công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là các ngành công nghiệp trọng điểm

CHƯƠNG 5. ĐỊA LÝ NGÀNH DỊCH VỤ (5LT)

5.1. Ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc

5.2. Ngành thương mại

5.3. Ngành du lịch

CHƯƠNG 6. CÁC VÙNG KINH TẾ (20LT, 2BT)

6.1. Trung du và miền núi Bắc Bộ

6.2. Đồng bằng sông Hồng

6.3. Bắc Trung Bộ

6.4. Duyên hải Nam Trung Bộ

6.5. Tây Nguyên

6.6. Đông Nam Bộ

6.7. Đồng bằng sông Cửu Long

6.8. Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở biển Đông và các đảo, quần đảo

6.9. Các vùng kinh tế trọng điểm

Bài tập:

– Vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển ở duyên hải Nam Trung Bộ

– Vẽ biểu đồ thể hiện tình hình sản xuất lúa của Đồng bằng sông Cửu Long. Nhận xét và giải thích.

Quảng Bình, ngày tháng 01 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Hoàng Dương Hùng